

Số: 512 /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Danh sách học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học xét chuyển vào trường Đại học GTVT năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số 385/DBĐHDTTW ngày 15/6/2026 về việc gửi hồ sơ học sinh dự bị đại học xét chuyển năm 2026, Quyết định số 184/QĐ-DBĐHDTTW ngày 18/6/2026 về việc Phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học vào Trường Đại học Giao thông vận tải của Hiệu trưởng Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung Ương;

Căn cứ Công văn số 461/DBĐHSS-BDQLCL ngày 16/6/2026 về việc xét chuyển học sinh dự bị đại học năm 2026 và Quyết định số 67/QĐ-DBĐHSS ngày 16/6/2026 về việc xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học đủ điều kiện đến đào tạo tiếp tại Trường Đại học Giao thông vận tải, của Hiệu trưởng Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn;

Căn cứ Công văn số 619/CV-VCVB ngày 16/6/2026 về việc xét chuyển học sinh dự bị đại học năm 2026 và Quyết định số 620/QĐ-VCVB ngày 16/6/2026 về việc học sinh hệ dự bị đại học chuyển vào học các trường Đại học, Học viện của Hiệu trưởng Trường Vùng cao Việt Bắc;

Căn cứ Công văn số 509/CV-DBĐH ngày 05/6/2026 về việc phân bổ chỉ tiêu đã hoàn thành chương trình Dự bị Đại học năm học 2025-2026 và Quyết định số 471/QĐ-DBĐH ngày 03/6/2026 về việc công nhận học sinh hoàn thành Dự bị Đại học năm học 2025-2026 của Hiệu trưởng Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí minh;

Căn cứ Thông báo kết luận cuộc họp số 510/TB-ĐHGTVT ngày 30/6/2026 của Chủ tịch HĐTS Trường ĐH Giao thông vận tải về việc xét tuyển thẳng, xét chuyển từ dự bị đại học trong tuyển sinh đại học chính quy năm 2026.

Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo: tiếp nhận 31 học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học xét chuyển vào học hệ chính quy năm 2026, cụ thể:

- Tại Hà Nội: 28 học sinh;
- Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh: 03 học sinh.

(Danh sách chi tiết kèm theo). 

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Thí sinh (để th/h);
- Các Trường: DBĐHDT SS,TW,VCVB, TP.HCM;
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLĐT (3).



PGS.TS. Lê Hoài Đức

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC ĐÃ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG
ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026 - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT TẠI HÀ NỘI (GHA)**

(Kèm theo Thông báo số 512 /TB-ĐHGTVT ngày 30/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

STT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập và rèn luyện Dự bị đại học					Xét chuyển Đại học		
							Điểm TB Môn 1	Điểm TB Môn 2	Điểm TB Môn 3	Tổng điểm tổng kết của 3 môn trong THPT	Xếp loại rèn luyện	Mã tổ hợp	Mã ngành	Tên ngành
1	024307000696	Nịnh Thị Chúc	22/07/2007	Nữ	Cao Lan	Thung, Đèo Gia, Bắc Ninh	8.6	8.9	9.2	26.7	Tốt	D01	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
2	020207005414	Nông Văn Tiền	15/02/2007	Nam	Nùng	Còn Cảm, Khuất Xá, Lạng Sơn	9.0	7.6	7.6	24.2	Tốt	A00	7520103	Kỹ thuật cơ khí
3	025207010133	Phạm Đức Tú	02/01/2007	Nam	Mường	Đồng Than, Lai Động, Phú Thọ	7.8	6.7	8.5	23.0	Tốt	A01	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
4	020207004837	Sái Văn Hiện	04/09/2007	Nam	Tày	Khu 6, Đình Lập, Lạng Sơn	7.8	7.3	7.9	23.0	Tốt	A00	7520103	Kỹ thuật cơ khí
5	004207004573	Triệu Hoàng Long Giang	20/09/2007	Nam	Nùng	Kênh Nghiêu, Hạ Lang, Cao Bằng	7.6	7.3	8.0	22.9	Tốt	A00	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
6	020207007681	Phùng Huy Hoàng	18/02/2007	Nam	Nùng	Nậm Rạt, Tân Đoàn, Lạng Sơn	8.4	6.7	6.9	22.0	Tốt	A00	7520103	Kỹ thuật cơ khí
7	025207013960	Hà Nhật Quang	18/07/2007	Nam	Mường	Võ Miếu, Phú Thọ	7.8	7.6	6.6	22.0	Tốt	D01	7840104	Kinh tế vận tải
8	024207006197	Lường Văn Quang	29/07/2007	Nam	Nùng	Thôn Rì, Biên Sơn, Bắc Ninh	7.7	7.2	5.8	20.7	Tốt	A00	7520107	Kỹ thuật robot

STT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập và rèn luyện Dự bị đại học					Xét chuyển Đại học		
							Điểm TB Môn 1	Điểm TB Môn 2	Điểm TB Môn 3	Tổng điểm tổng kết của 3 môn trong THPT	Xếp loại rèn luyện	Mã tổ hợp	Mã ngành	Tên ngành
9	004207005350	Nông Thanh Tú	23/07/2007	Nam	Tày	Tổ 7, Nùng Trí Cao, Cao Bằng	7.2	6.0	7.1	20.3	Tốt	A00	7580101	Kiến trúc
10	020207000848	Lý Trí Dũng	12/07/2007	Nam	Tày	Khu TĐC mới Đông Thử, Chộc Vằng, Lộc Bình, Lạng Sơn	5.4	5.2	7.9	18.5	Tốt	A01	7580106	Quản lý đô thị và công trình
11	008207008218	Nông Văn Toàn	29/11/2007	Nam	Tày	Nà Luộc, Phù Lưu, Tuyên Quang	7.7	7.9	7.5	23.1	Tốt	A00	7520130	Kỹ thuật ô tô
12	006207003313	Hứa Anh Khoa	03/07/2007	Nam	Tày	Tân Xuân, Cẩm Giàng, Thái Nguyên	7.8	7.6	6.9	22.3	Tốt	A00	7520201	Kỹ thuật điện
13	004207005561	Triệu Thái Huy	16/07/2007	Nam	Nùng	Hùng Cầu, Quang Long, Cao Bằng	7.3	5.6	6.8	19.7	Tốt	A00	7520103	Kỹ thuật cơ khí
14	020206004496	Linh Minh Quyền	07/11/2006	Nam	Nùng	Pác Cáp, Yên Phúc, Lạng Sơn	6.7	5.0	6.5	18.2	Tốt	A00	7580201	Kỹ thuật xây dựng
15	038207023359	Cao Đăng Tùng Anh	13/04/2007	Nam	Mường	TDP Quang Trung, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	8.6	8.3	9.3	26.2	Tốt	A00	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
16	037307003768	Hoàng Trúc Ly	20/12/2007	Nữ	Mường	Tiền Phương 1, Cúc Phương, Ninh Bình	8.1	8.6	8.0	24.7	Tốt	A00	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
17	038205019882	Nguyễn Văn Sỹ	12/01/2005	Nam	Kinh	Bắc Thọ, Vạn Lộc, Thanh Hóa	8.0	8.3	7.1	23.4	Tốt	A00	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
18	046306000936	Hồ Thị Hà Tính	05/12/2006	Nữ	Pa cô	A Niêng Lê Triêng 1, A Lưới 1, TP. Huế	7.5	7.6	7.9	23.0	Tốt	A00	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng



STT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập và rèn luyện Dự bị đại học					Xét chuyển Đại học		
							Điểm TB Môn 1	Điểm TB Môn 2	Điểm TB Môn 3	Tổng điểm tổng kết của 3 môn trong THPT	Xếp loại rèn luyện	Mã tổ hợp	Mã ngành	Tên ngành
19	014207009427	Sông Lao Tênh	11/04/2007	Nam	H'mông	Suối Cút, Yên Sơn, Sơn La	7.8	8.1	8.5	24.4	Tốt	A00	7520103	Kỹ thuật cơ khí
20	038207020452	Lê Khắc Duy	07/05/2007	Nam	Mường	Thôn 8, Ngọc Liên, Thanh Hóa	8.3	8.9	7.8	25.0	Tốt	A00	7520130	Kỹ thuật ô tô
21	038207021578	Kiều Văn Nghĩa	19/10/2007	Nam	Kinh	Ná Cà 2, Thanh Quân, Thanh Hóa	8.5	8.9	9.4	26.8	Tốt	A00	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
22	038207014705	Quách Quang Khải	08/03/2007	Nam	Mường	Đồng Tiến, Mâu Lâm, Thanh Hóa	8.3	8.3	8.8	25.4	Tốt	A00	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
23	017307002655	Nhữ Quỳnh Trang	14/08/2007	Nữ	Mường	Bãi Nai, Kỳ Sơn, Phú Thọ	8.4	8.1	7.8	24.3	Tốt	A00	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
24	020207006312	Nông Đức Toàn	17/08/2007	Nam	Nùng	Gia Cát, Cao Lộc, Lạng Sơn	8.2	8.0	7.8	24.0	Tốt	A00	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
25	006207002870	Hoàng Hữu Hải	10/10/2007	Nam	Tày	Lương Bằng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	8.0	8.8	7.2	24.0	Tốt	A00	7520130	Kỹ thuật ô tô
26	004207003925	Nguyễn Hoàng Tùng	02/01/2007	Nam	Tày	Sông Bằng, TP. Cao Bằng, Cao Bằng	8.2	7.8	8.0	24.0	Tốt	A00	7520130	Kỹ thuật ô tô
27	004207000265	Hoàng Minh Vũ	11/01/2007	Nam	Tày	Sông Bằng, TP. Cao Bằng, Cao Bằng	8.2	8.0	7.8	24.0	Tốt	A00	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
28	020204002338	Hoàng Quang Thắng	27/09/2007	Nam	Tày	Đồng Ý, Bắc Sơn, Lạng Sơn	7.8	7.7	8.5	24.0	Tốt	A00	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC ĐÃ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG
ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026 - PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT TẠI TP.HCM (GSA)**

(Kèm theo Thông báo số 512 /TB-ĐHGTVT ngày 30/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

STT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập và rèn luyện Dự bị đại học					Xét chuyển Đại học		
							Điểm TB Môn 1	Điểm TB Môn 2	Điểm TB Môn 3	Tổng điểm tổng kết của 3 môn trong THPT	Xếp loại rèn luyện	Mã tổ hợp	Mã ngành	Tên ngành
1	066307005516	Nay H' Hồng	05/10/2007	Nữ	Gia Rai	Xã Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk	8.9	8.9	9.6	27.4	Tốt	A01	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
2	058307002898	Bá Thị Thu Kỳ	17/11/2007	Nữ	Chăm	Xã Thuận Nam, Tỉnh Khánh Hòa	8.7	8.8	9.5	27.0	Tốt	A01	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
3	058307007585	Báo Thị Kim Nín	29/03/2007	Nữ	Chăm	Xã Thuận Nam, Tỉnh Khánh Hòa	5.8	8.2	8.3	22.3	Tốt	D01	7340120	Kinh doanh quốc tế

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Lê Hoài Đức

